TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2022/DS-PT
Ngày: 21-02- 2022
V/v: "Kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Tồn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 314/2021/TLPT-DS ngày 13/12/2021 về việc *"Kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 926/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Phan Sĩ H, sinh năm 1952; Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H và bà Phạm Thị Huyền T - Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn X, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; ông H và bà T có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Phan Thị H, sinh năm 1949; Địa chỉ: Xóm 4, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cùa bị đơn: Bà Bùi Thị X và ông H Nhật L - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; bà X và ông L có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền ông: Trần Quang T - Phó Chủ tịch UBND huyện Q, vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 17/2/2022.

3. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4. Bà Phan Thị P, sinh năm 1936; Địa chi: Xóm 5, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;vắng mặt.

6. Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm 5, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

7. Chị Trần Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; Địa chỉ: tinh Quảng Bình; có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Phan Sĩ H và người bảo vệ quyền, lơi ích hợp pháp cho ông H (viết tấi là nguyên đơn) trình bày:

Bố mẹ nguyên đơn là cụ Phan L, chết năm 1951 vả cụ Phan Thị Đ, chết ngày 28 tháng 11 năm 2001; hai cụ sinh được 05 người con, gồm: Bà Phan Thị L (đã chết có chồng là Nguyễn Văn T và con gái Nguyễn Thị L), bà Phan Thị P sinh năm 1936, bà Phan Thị S (bà S chết có chồng đa chết và hai con là anh Trần Xuân Đ, chị Trần Thị T), bà Phan Thị E (chết lúc còn nhỏ chưa có chồng, con) và bà Phan Thị H sinh năm 1949: nguyên đơn là con nuôi được cụ Đ đưa về nuôi dưỡng khi mới 3 ngày tuổi cho đến khi trưởng thành đi bộ đội và xây dựng gia đình; hai cụ không có con riêng, khi chêt không đê lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 932m^2 đết (nay là 1.042m^2 đất tại thửa đất số 657 và 988, tờ bản đồ số 12) xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Quả trình bà H sống chung với cụ Phan Thị Đ đã tự ý làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên cá nhân mình toàn bộ diện tích đất của bố mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND huyện Q, Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Phan Thị H, chị Nguyễn Thị D; chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

-Bà Phan Thị H (viết tắt bị đơn) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ của bị đơn là cụ L, cụ Đ chết và số con của hai cụ. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận ông Phan Sĩ H là con nuôi của bố mẹ bị đơn, ông H kê khai tên bô mẹ bị đơn vào lý lịch là không đúng, bởi lẽ bố bị đơn chết năm 1951 nhưng ông H sinh năm 1952 (ông H sinh sau bố bị đơn chết 01 năm) nên bố bị đơn không thể bố nuôi của ông H). Mặt khác, khi ông H mới 03 ngày tuổi bị bỏ rơi không ai chăm sóc nên mẹ bi đơn đã đưa về nuôi dưởng cho đến khi trưởng thành thì đi bộ đội, xây dựng gia đình rồi ra ở riêng, ông H không hề chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ bị đơn, do đó bị đơn không chấp nhận ông H làcon nuôi của bố mẹ. Về di sản thừa kế: Quá trình chung sống bố mẹ bị đơn có tạo lập được 932m^2 đất và đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ mang tên Phan Thị Đ vào năm 1993. Do bị đơn chung sống, chăm sóc mẹ nên ngày 28/02/2001 được mẹ Phan Thị Đ và các chị trong gia đình nhất trí lập văn bản giao toàn bộ đất đai, nhà ở cho bị đơn. Năm 2007, bị đơn làm thủ tục và đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ mang tên Phan Thị H với diện tích 1.042m^2 đất tại thửa đất số 657, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trong tổng thể diện tích trên có hơn 300m^2 đất giáp mặt đường liên xã, bị đơn mua lại cửa hàng của Hợp tác xã mua bán P vào năm 1983 và được cấp riêng cho cá nhân bị đơn không liên quan đến di sản thừa kế. Tuy nhiên, do trước đây bị đơn sống chung với mẹ nên khi câp GCNQSDĐ mang tên mẹ Phan Thị Đ. Năm 2012, bị đơn tách thành hái thửa đất và đã tặng cho con gái Nguyễn Thị D diện tích của bị đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Phan Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình hày: Bà nhất trí với toàn bộ trình bày bị đơn về tên, năm chết, các con của bố mẹ. Diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ để lại và đất bị đơn mua của Hợp tác xã, Bà không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận việc nguyên đơn là con nuôi của bố mẹ như nguyên đơn khai nhận. Toàn bộ diện tích đất thừa kế đã được mẹ Phan Thị Đ khi còn sống và các chị em đã nhất trí giao cho bà Phan Thị H sở hữu để chăm sóc nuôi dưỡng cụ Phan Thị Đ. Bà P không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án chia thừa kế thì bà nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Phan Thị H sở hữu.

-Tại Công văn số 901/UBND - TNMT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Q trình bày: Ngày 23/9/1993 UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số B 910444 cho cụ Phan Thị Đ với diện tích 932m^2 đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 xã Q. Ngày 28/02/2001 cụ Đ cùng các con họp gia dinh thống nhất giao lại toàn bộ tài sản cho bà Phan Thị H để bà H nuôi cụ Đ, văn bản có UBND xã Q xác nhận năm 2006. Trên cơ sở hồ sơ kê khai của bà H, ngày 17/10/2007 UBND xã Q đã công khai vẫu bản thừa kế trên, căn cứ hồ sơ UBND huyện Q đã cấp GCNQSOĐ số AH 764227 ngày 19/5/2008 với diện tích 1042m^2 đất tại thửa đất só 657, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Ngày 06/3/2012 bà H làm đơn xin tách thành hai thửa và đã được UBND huyện tách thành thửa đất số 657 có diện tích 733m^2 và thửa đất số 988 có diện tích 309m^2, tờ bản đồ số 12 xã Q và lập hợp đồng tặng cho con gái Nguyễn Thị D thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12

xã Q, huyện Q; ngày 26/6/2012 UBND huyện Q đã cấp GCNQSDĐ số BI 718952 với diện tích 309m^2 đất tại thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q cho chị Nguyễn Thị D. Ngày 19 tháng 12 năm 2017, bà Phan Thị H làm đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ và được Sở Tài Nguyên và Môi Trường cấp GCNQSDĐ số CL 534898 ngày 02/01/2018. Quá trình cấp và cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Phan Thị H và chị Nguyễn Thị D đều đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó UBND huyện Q đề nghị Tòa án xem xét.

-Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản.

-UBND xã Q đã dược triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

-Tại bản tự khai cụ Nguyễn Văn Tỉu và bà Nguyễn Thị L trình bày cụ Tỉu và bà L là chồng và con của bà Phan Thị L đã chết tù năm 1959; cụ Tỉu và bà L nhất trí trình bày của bị đơn và không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại bản tự khai anh Trần Xuân Đ và chị Trần Thị Tường trình bày anh chị là con đẻ của bà Phan Thị S đã chết (bố của anh chị cũng đã chết); anh Đ, chị T nhất trí trình bày của bị đơn và không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại Đơn trình bày đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày. Năm 2012 Chị được bà Phan Thị H là mẹ đẻ tặng cho 309m^2 đất tại thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q và chị đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số BI 718952 ngày 26/6/2012, việc tặng cho này là ngay tình, đúng pháp luật, do đó Chị không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

-Ông Trần Đình Quý, sinh năm 1933 và bà Phan Thị Sinh, sinh năm 1950 là những người làm chứng trình bày: ông Quý nguyên là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã P, bà Sinh là nhân viên bán hàng Hợp tóc xã P từ năm 1976 đến năm 1982. Hai người thừa nhận thửa đất của bà H hiện nay có diện tích sát đường liên xã là cửa bàng mua bán của Hợp tác xã P, năm 1982 - 1983 Hợp tác xã thanh, lý cửa hàng, bà H đã mua lại đất và nhà của cửa hàng này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHM ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn., giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Phan Sĩ H về việc yêu cầu chia thừa kế 914,7m^2 đất tại hai thửa đất số 657 và 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Phan Sĩ H được chia 11.081.000 đồng *(mười một triệu, không trăm*

tám mươi mốt ngàn đồng chẵn)

3. Bà Phan Thi H được quản lý, sử dụng 663,6m^2 đất giá 37.306.000 đồng tại thửa đất số 657, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và 21.376.300 đồng giá trị thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (thửa đất này bà H đã tặng cho chị Nguyễn Thị D) nhưng bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Sĩ H 11.081.000 đồng giá trị kỷ phần thừa kế ông H được hưởng.

4. Không chấp nhận khởi kiện của ông Phan Sĩ H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận qtyền sử dụng đất số AH 764227 ngày 19/5/2008, số BI 718952 ngày 26/6/20/12 của Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho bà Phan Thị H và chị Nguyễn Thị D; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 534898 ngày 02/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Phan Thị H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2021, nguyên đơn Phan Sĩ H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông về chia thừa kế theo hiện vật, không đồng ý chia theo giá trị bằng tiền.

Ngày 15/11/2021, bị đơn Phan Thị H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Phan Sĩ H là con nuôi của cụ Đ và được hưởng thừa kế là đúng và Toà án cấp sơ thẩm xử cho ông H được hưởng một phần giá trị của di sản thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên việc định giá ở cấp sơ thẩm mới căn cứ giá do UBND tỉnh quy định là chưa phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để định giá lại khi chia bằng giá trị cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của đương sự và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu chia hiện vật của nguyên đơn Phan Sĩ H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, trong vụ án này, sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan Sĩ H không kháng cáo về xác định tài sản thừa kế, những người thừa kế như Toà án cấp sơ thẩm giải quyết, chỉ không đồng ý chia thừa kế bằng giá trị mà yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật. Toà án cấp phúc thẩm thấy rằng, Thửa đất số 998, diện tích 309m^2, tờ bản đồ số 12, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, bị đơn chị Phan Thị H đã tặng cho chị Nguyễn Thị D và chị D đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 718952 ngày 26/6/2012, việc tặng cho này là ngay tình nên quyền sử dụng đất đã thuộc về chị D đối với diện tích đất tại thửa đất này nên không thể chia bằng hiện vật mà chỉ tính bằng giá trị để buộc bị đơn chị Phan Thị H chịu đối với kỷ phần mình được hưởng. Đối với diện tích 633,6m^2 đất tại thửa đất số 657, tờ bản đồ 12 xã Q, bị đơn Phan Thị H đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi GCNQSDD số CL 534898 ngày 02/01/2018, bị đơn xây dựng nhà hai tầng rộng trên 100 m^2, diện tích đất còn lại là đất trống nhưng xét thấy chị H là người quản lý sử dụng đất này từ lâu và bị đơn đang xây dựng nhà ở 02 tầng về phía Đông thửa đất rộng trên 100m^2, diện tích đất còn lại là đất trống, nếu chia hiện vật là đất cho nguyên đơn trên diện tích đất còn lại sẽ xảy ra mất đoàn kết tại địa phương. Mặt khác, ông Phan Sĩ H đã có nhà cửa ổn định tại xóm 4, thôn Pháp kệ, xã Q. Đ thời đây là chia thừa kế theo pháp luật nên yêu cầu chia hiện vật để ông H làm nơi thờ cúng là không có cơ sở chấp nhận như án sơ thẩm là đúng. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Phan Thị H, bị đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, cấp phúc thẩm thấy:

Cụ Phan L, chết năm 1951; cụ Phan Thị Đ, chết tháng 11 năm 2001. Ngày 26 tháng 6 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia 932m^2 đất (nay là 1,042m^2 đất) tại thửa đất số 657 và 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là di sản thừa kế của cụ L, cụ Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ đang trong hạn luật định nên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết. Theo giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018, theo đó thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lện thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Do đó, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ L đã hết hạn luật định nên không xem xét. Mặt khác, năm 1993

UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số B 910444 cho cụ Phan Thị Đ với diện tích 932m^2 đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 xã Q các đồng thừa kế của cụ L không có ý kiến gì nên toàn bộ di sản thửa kế thuộc quyền sở hữu của cụ Đ.

[4] Các đồng thừa kế của cụ L, cụ Đ thừa nhận hai cụ không có con riêng; hai cụ là bố mẹ của bà Phan Thị L (đã chết có chồng là Nguyễn Văn T và con gái Nguyễn Thị L), bà Phan Thị P sinh năm 1936, bà Phan Thị S (bà S chết có chồng đã chết và hai con Trần Xuân Đ và Trần Thị T), bà Phan Thị Lem (chết lúc còn nhỏ chưa có chồng, con) và bà Phan Thị H sinh năm 1949; ông Phan Sĩ H được cụ Đ đưa về nuôi dưỡng khi mới 03 ngày tuổi cho đến khi trưởng thành đi bộ đội và xây dựng gia đình. Tại phiên tòa các đồng thừa kế của cụ Đ không thừa nhận ông H là con nuôi của cụ Đ, ông H không có giấy tờ công nhận việc cụ Đ nhận ông H làm con nuôi theo quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên tại các giấy tờ mà ông H xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án, như Giấy khai sinh, lý lịch của ông H có tên bố là cụ Phan L và mẹ là cụ Phan Thị Đ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế của cụ Đ thừa nhận thực tế cụ Đ nuôi dưỡng ông H lúc mới 03 ngày tuổi cho đến lúc trưởng thành, đi bộ đội và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà Phan Thị H và bà Phan Thị P thừa nhận sau khi đi bộ đội về, gia đình bà Đ đã hỏi vợ, xây dựng gia đình cho ông H và đã mua nhà đất cho ông H ở. Theo quy định tại Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, thì "Nếu việc nuôi con nuôi trước đây chưa được ghi vào sổ hộ tịch nhưng việc nuôi con nuôi đã được mọi người công nhận và cha mẹ nuôi đã thực hiện nghĩa vụ với con nuôi thì việc nuôi con nuôi vẫn có những hậu quả pháp lý do luật định". Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì 04 người con đẻ và ông H con nuôi của cụ Đ theo hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ Đ để lại, như Toà án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bà Phan Thị L, chết năm 1960 và bà Phan Thị S, chết năm 1990 hai người này chết trước cụ Phan Thị Đ, theo quy định tại Điều 652 thì các con của bà L và bà S được thừa kế thế vị di sản thừa kế của cụ Đ. Bà Phan Thị H có công nuôi dưỡng cụ Phan Thị Đ và có công giữ gìn di sản thừa kế nên được chia thêm 01 kỷ phần thừa kế, theo quy định tại khoản 1 Điều 618 của Bộ luật dân sự.

[5] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đồng thừa kế của cụ Đ thừa nhận Cụ không để lại di chúc, di sản thừa kế của cụ có 1.042m^2 đất (thực tế sử dụng 914,7m^2) tại hai thửa đất số 657 và 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án không chấp nhận chia thừa kế cho nguyên đơn với lý do: Ngày 28/02/2001 lúc cụ Đ còn sống đã cùng các con họp gia đình thống nhất giao lại toàn bộ tài sản nhà, đất cho bị đơn sở hữu nhưng bị đơn có nghĩa vụ nuôi dưỡng cụ Đ, văn bản này được UBND xã Q xác nhận năm 2006 (cuộc họp này không có ông H và các con của bà L, bà S tham gia); ngày 19/5/2008 bị đơn đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số AH 764227 với diên tích 1.042m^2 đất tại thửa đất số 657, tờ bản đồ

số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đứng tên bà Phan Thị H. Mặt khác, bị đơn cho rằng năm 1983 bị đơn mua lại một phần diện tích của Hợp tác xã P với diện tích hơn 300m^2 trong tổng số diện tích đất của cụ Phan Thị Đ.

Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho cụ Đ thể hiện ngày 23/9/1993 cụ Phan Thị Đ được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số B 910444 với diện tích 932m^2 đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 xã Q bao gồm cả diện tích bị đơn khai mua của Hợp tác xã năm 1983. Mặt khác, như phân tích trên thì biên bản họp ngày 28/02/2001 có cụ Đ tham gia nhưng cụ không ký tên, điểm chỉ; cuộc họp không có ông H, các con của bà L, bà S tham gia và đến năm 2006 UBND xã Q mới chứng Thực nên văn bản cuộc họp này không đúng quy định.

Từ phân tích trên thấy: Di sản thừa kế của cụ Đ có 1.042m^2 đất (300.m^2 đất ở, 742m^2 đất vườn) tại thửa đất số 657, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nhưng theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2021 thì diện tích đất thực tế sử dụng còn lại 914,7m^2 đất (300m^2 đất ở, 614,7m^2 đất vườn); diện tích đất bị thiếu khi thẩm định là do hộ liền kề phía Nam thửa đất lấn chiếm. Tại phiên tòa sơ thẩm các đồng thừa kế đều nhất trí lấy diện tích đất thừa kế còn lại là 914,7m^2 đất theo kết quả thẩm định ngày 17/8/2021 để chia. Di sản thừa kế của cụ Đ được chia thành 06 kỷ phần như sau: Ông Phan Sĩ H được chia 01 kỷ phần với số tiền 11.081.000 đồng (giá trị 50m^2 đất ở giá 7.700.000 đồng, 102,450m^2 đất vườn giá 3.380,850 đồng); bà Nguyễn Thị L được chia 01 kỷ phần với số tiền 11.081.000 đồng; bà Phan Thị P được chia 01 kỷ phần với số tiền 11.081.000 đồng; anh Trần Xuân Đ và chị Trần Thị T được chia 01 kỷ phần với số tiền 11.081.000 đồng (mỗi người được hưởng 5.540.500 đồng); bà Phan Thị H được chia 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần có công nuôi dưỡng, giữ gìn di sản thừa kế) với số tiền 22.162.000 đồng. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm bà L, bà P, anh Đ, chị T nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà H được hưởng, do đó bà H được hưởng tổng cộng 05 kỷ phần thừa kế với số tiền 55.405.000 đồng (giá trị 250m^2 đất ở giá 38.500.000 đồng, 512,250m^2 đất vườn giá 16.904.250 đồng).

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm xác định ông H là con nuôi và được hưởng thừa kế theo pháp luật và Toà án cấp sơ thẩm chia cho ông H được hưởng một kỷ phần và Toà án cấp sơ thẩm chia bằng giá trị là có căn cứ và đúng pháp luật. Quan điểm này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận. Viện kiểm sát đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để định giá lại, vì cấp sơ thẩm khi định giá chỉ căn cứ giá do UBND quy định là chưa phù hợp. Nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại Bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 01/11/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận định: tại phiên toà các đồng thừa kế đều nhất trí lấy diện tích đất thừa kế còn lại 914,7m^2 đất theo kết quả thẩm định ngày 17/8/2021 (BL-100-103) để chia. Đối với định giá di sản thừa kế, theo yêu cầu của nguyên đơn, Toà án tiến hành thành lập hội đồng định giá đất là di sản thừa kế theo giá đất của UBND tỉnh Quảng Bình quy định, việc định giá có nguyên đơn, bị đơn tham gia chứng kiến việc định giá và nhất trí với kết quả định giá này, Toà án đã

có văn bản gửi các đương sự trong vụ án biết về việc định giá nhưng các bên đương sự không khiếu nại về giá và không có yêu cầu cơ quan tổ chức khác định giá lại theo giá thị trường; tại phiên toà sơ thẩm các đương sự đều nhất trí lấy giá đã định giá vào ngày 17/8/2021 (BL-98-99) để chia nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận này để giải quyết. Và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị đơn có kháng cáo ông Phan Sĩ H chỉ yêu cầu được chia hiện vật, không có khiếu nại hay yêu cầu gì về việc định giá và cũng không yêu cầu định giá lại. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy các đương sự đã nhất trí, không có ý kiến gì về định giá ở cấp sơ thẩm nên không cần thiết phải huỷ án, làm kéo dài vụ án không cần thiết.

Từ những vấn đề trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của bị đơn về bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở; kháng cáo của nguyên đơn về chia thừa kế bằng hiện vật không có căn cứ. Do kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Sĩ H và kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHM ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án*;* xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Phan Sĩ H về việc yêu cầu chia thừa kế 914,7m^2 đất tại hai thửa đất số 657 và 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Phan Sĩ H được chia 11.081.000 đồng *(mười một triệu, không trăm tám mươi mốt ngàn đồng chẵn)*

3. Bà Phan Thi H được quản lý, sử dụng 663,6m^2 đất giá 37.306.000 đồng tại thửa đất số 657, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và 21.376.300 đồng giá trị thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (thửa đất này bà H đã tặng cho chị Nguyễn Thị D) nhưng bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả

cho ông Phan Sĩ H 11.081.000 đồng giá trị kỷ phần thừa kế ông H được hưởng.

4. Không chấp nhận khởi kiện của ông Phan Sĩ H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 764227 ngày 19/5/2008, số BI 718952 ngày 26/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho bà Phan Thị H và chị Nguyễn Thị D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 534898 ngày 02/11/2018 của Sở Tài guyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Phan Thị H.

Về án phí phúc thẩm dân sự:

- Ông Phan Sĩ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004775 ngày 08/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004786 ngày 25/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (về chi phí tố tụng, về án phí, về lãi suất chậm thi hành án, về quyền yêu cầu thi hành án) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường